

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 178/2006/QĐ-UBND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 08 tháng 12 năm 2006

QUYẾT ĐỊNH

Về giao chỉ tiêu dự toán thu - chi ngân sách Nhà nước năm 2007

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Quyết định số 1506/2006/QĐ-TTg ngày 14 tháng 11 năm 2006 của Thủ tướng Chính phủ về giao dự toán ngân sách Nhà nước năm 2007;

Căn cứ Quyết định số 3771/2006/QĐ-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về giao dự toán thu, chi ngân sách Nhà nước năm 2007;

Căn cứ Nghị quyết số 60/2006/NQ-HĐ ngày 07 tháng 12 năm 2006 của Hội đồng nhân dân thành phố Khóa VII, tại kỳ họp thứ 9 về dự toán và phân bổ ngân sách thành phố năm 2007;

Xét Tờ trình số 11152/STC-NS ngày 08 tháng 12 năm 2006 của Giám đốc Sở Tài chính về dự toán thu chi ngân sách thành phố năm 2007,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giao cho cơ quan thu, các Sở, cơ quan ngang Sở và Ủy ban nhân dân các quận - huyện chỉ tiêu về dự toán thu - chi ngân sách Nhà nước năm 2007 ban hành kèm theo Quyết định này, như sau:

1.1. Tổng thu ngân sách Nhà nước trên địa bàn: 77.959,500 tỷ đồng.

Trong đó:

- Thu ngân sách Nhà nước phần nội địa:

+ Chỉ tiêu pháp lệnh: 41.069,500 tỷ đồng;

+ Chỉ tiêu phấn đấu: tăng tối thiểu 5% so với chỉ tiêu pháp lệnh (không tính

nguồn thu từ đầu giá quyền sử dụng đất và thu xổ số kiến thiết).

- Thu từ dầu thô: 6.090 tỷ đồng.

- Thu từ hoạt động xuất nhập khẩu: 30.800 tỷ đồng.

1.2. Thu xổ số kiến thiết quản lý qua ngân sách Nhà nước: 455 tỷ đồng.

1.3. Tổng chi ngân sách địa phương: 15.710,902 tỷ đồng.

Trong đó: chi thường xuyên 8.200 tỷ đồng.

1.4. Giao nguồn thu và nhiệm vụ chi cho từng cấp ngân sách theo quy định của Luật Ngân sách Nhà nước.

1.5. Tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu giữa các cấp ngân sách địa phương.

1.6. Số bổ sung cân đối từ ngân sách thành phố cho ngân sách từng quận - huyện.

(Các phụ lục đính kèm)

Điều 2. Sau khi nhận được chỉ tiêu về dự toán thu - chi ngân sách Nhà nước năm 2007:

2.1. Các cơ quan Nhà nước, đơn vị dự toán cấp I khi tiến hành phân bổ và giao dự toán chi cho các đơn vị sử dụng ngân sách trực thuộc phải khớp đúng dự toán được Ủy ban nhân dân thành phố giao cả về tổng mức và chi tiết theo từng lĩnh vực chi, phân bổ dự toán chi phải đúng chế độ, tiêu chuẩn, định mức, đúng thủ tục theo quy định của pháp luật.

2.2. Ủy ban nhân dân quận - huyện trình Hội đồng nhân dân quận - huyện quyết định dự toán thu - chi ngân sách và phương án phân bổ dự toán ngân sách cấp mình trước ngày 20 tháng 12 năm 2006; sau đó, căn cứ Nghị quyết Hội đồng nhân dân quận - huyện, giao nhiệm vụ thu - chi ngân sách cho từng cơ quan, đơn vị trực thuộc, mức bổ sung từ ngân sách quận - huyện cho từng phường - xã - thị trấn; triển khai chi tiết các khoản thu phân chia và nguồn thu, nhiệm vụ chi cho ngân sách quận - huyện, phường - xã - thị trấn. Chậm nhất 05 ngày sau khi dự toán ngân sách quận - huyện được Hội đồng nhân dân quận - huyện quyết định, Ủy ban nhân dân quận - huyện có trách nhiệm báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố và Sở Tài chính kết quả quyết định và giao dự toán ngân sách năm 2007.

2.3. Ủy ban nhân dân phường - xã - thị trấn căn cứ Quyết định của Ủy ban nhân dân quận - huyện về giao dự toán thu - chi ngân sách Nhà nước năm 2007, trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định dự toán thu - chi ngân sách và phương án phân

bổ dự toán ngân sách cấp mình trước ngày 30 tháng 12 năm 2006.

2.4. Các cơ quan Nhà nước, đơn vị dự toán cấp I, các cấp chính quyền quận - huyện, phường - xã - thị trấn phải thực hiện công tác phân bổ, giao dự toán ngân sách theo đúng các nguyên tắc, nội dung do Luật Ngân sách Nhà nước và các văn bản hướng dẫn thực hiện Luật Ngân sách Nhà nước quy định; đảm bảo đến ngày 01 tháng 01 năm 2007, đơn vị sử dụng ngân sách và Kho bạc Nhà nước nơi giao dịch nhận được dự toán ngân sách của đơn vị sử dụng ngân sách.

Cơ quan tài chính có trách nhiệm tổng hợp, báo cáo cấp có thẩm quyền điều chỉnh giảm dự toán chi của đơn vị để chuyển cho cơ quan, đơn vị khác hoặc bổ sung dự phòng theo quy định của Chính phủ trong trường hợp sau ngày 31 tháng 12 năm 2006, đơn vị dự toán cấp I phân bổ chưa hết dự toán được giao, trừ các nhiệm vụ mới tại thời điểm phân bổ, giao dự toán chưa xác định rõ đơn vị thực hiện song đơn vị dự toán cấp I phải báo cáo và được cơ quan tài chính cùng cấp chấp nhận cho phân bổ chậm, thời gian chậm nhất là ngày 31 tháng 3 năm 2007.

2.5. Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp quận - huyện, phường - xã - thị trấn, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị phải chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân thành phố trong việc đảm bảo thực hiện đúng chỉ tiêu được giao.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày, kể từ ngày ký.

Điều 4. Chánh Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân thành phố, Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư, Giám đốc Sở Tài chính, Cục trưởng Cục Thuế, Giám đốc Kho bạc Nhà nước thành phố, Giám đốc các Sở, Thủ trưởng cơ quan ngang Sở và Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận - huyện chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Thị Hồng

CHI TIẾT CÁC KHOẢN THU PHÂN CHIA

**Giữa ngân sách thành phố, ngân sách quận - huyện
và ngân sách phường - xã - thị trấn thời kỳ ổn định
ngân sách thứ hai (2007 - 2010)**

Đối với phần ngân sách địa phương được phân chia theo

Điều 32, Điều 33 Luật Ngân sách Nhà nước năm 2002

(Kèm theo Quyết định số 178/2006/QĐ-UBND

ngày 08 tháng 12 năm 2006 của Ủy ban nhân dân thành phố)

I. Các khoản thu ngân sách cấp quận - huyện hưởng 100%

1. Thuế môn bài, trừ thuế môn bài thu từ cá nhân, hộ kinh doanh;
2. Thuế tài nguyên (không kể thuế tài nguyên thu từ hoạt động dầu khí);
3. Các khoản thu phí, lệ phí, phần nộp ngân sách theo quy định của pháp luật do các cơ quan, đơn vị thuộc cấp quận - huyện tổ chức thu, (không kể phí xăng, dầu và lệ phí trước bạ nhà đất);
4. Thu sự nghiệp, phần nộp ngân sách theo quy định của pháp luật của các công ty, đơn vị do quận - huyện quản lý (bao gồm cả chênh lệch thu, chi của doanh nghiệp công ích);
5. Thu khác từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh do Chi cục Thuế quận - huyện thu;
6. Viện trợ không hoàn lại của các tổ chức quốc tế, các tổ chức khác, các cá nhân ở nước ngoài trực tiếp cho quận - huyện theo quy định của pháp luật;
7. Đóng góp tự nguyện của các tổ chức, cá nhân ở trong và ngoài nước cho ngân sách quận - huyện;
8. Đóng góp của các tổ chức, cá nhân để đầu tư xây dựng các công trình kết cấu hạ tầng theo quy định của Chính phủ;
9. Các khoản thu vi phạm hành chính thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân quận - huyện quyết định xử phạt;
10. Các khoản thu khác của ngân sách quận - huyện theo quy định của pháp luật;
11. Thu chuyển nguồn ngân sách từ ngân sách quận - huyện năm trước sang ngân sách quận - huyện năm sau;

12. Thu kết dư ngân sách cấp quận - huyện;

13. Thu bổ sung từ ngân sách thành phố.

II. Các khoản thu ngân sách phường - xã - thị trấn (gọi chung là xã) hưởng 100%:

1. Các khoản thu phí, lệ phí, phần nộp ngân sách theo quy định của pháp luật do các cơ quan, đơn vị thuộc cấp xã tổ chức thu, (không kể phí xăng, dầu và lệ phí trước bạ nhà đất);

2. Thu sự nghiệp, phần nộp ngân sách theo quy định của pháp luật của các đơn vị do xã quản lý;

3. Thu đấu thầu, thu khoán theo mùa vụ từ quỹ đất công ích và hoa lợi công sản khác theo quy định của pháp luật do xã quản lý;

4. Viện trợ không hoàn lại của các tổ chức quốc tế, các tổ chức khác, các cá nhân ở nước ngoài trực tiếp cho cấp xã;

5. Các khoản đóng góp theo quy định của pháp luật và các khoản đóng góp tự nguyện của các tổ chức, cá nhân cho phường - xã - thị trấn;

6. Các khoản thu phạt vi phạm hành chính thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân phường - xã - thị trấn quyết định xử phạt;

7. Các khoản thu khác của ngân sách xã theo quy định của pháp luật;

8. Thu chuyển nguồn ngân sách từ ngân sách xã năm trước sang ngân sách xã năm sau;

9. Thu kết dư ngân sách cấp xã;

10. Thu bổ sung từ ngân sách quận - huyện.

III. Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%) giữa ngân sách Trung ương, ngân sách thành phố và ngân sách quận - huyện:

1. Thuế giá trị gia tăng thu từ khu vực ngoài quốc doanh do Chi cục Thuế quận - huyện thu (không kể thuế giá trị gia tăng hàng nhập khẩu); Thuế thu nhập doanh nghiệp thu từ khu vực ngoài quốc doanh do Chi cục Thuế quận - huyện thu (không kể thuế thu nhập doanh nghiệp của đơn vị hạch toán toàn ngành).

Phân chia theo tỷ lệ (%) như sau:

Đơn vị	Ngân sách Trung ương	Ngân sách thành phố	Ngân sách quận huyện
Quận 1	74%	15%	11%
Quận 3	74%	04%	22%
Quận 5	74%	09%	17%
Quận 10, Tân Bình	74%	02%	24%
Các quận - huyện còn lại	74%	0%	26%

2. Tiền thuê nhà và khấu hao cơ bản nhà ở thuộc sở hữu Nhà nước do quận - huyện quản lý: sau khi để lại 40% cho đơn vị quản lý nhà; số 60% còn lại quy thành 100%, phân chia ngân sách quận - huyện 70% và ngân sách thành phố 30%.

IV. Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%) giữa ngân sách quận - huyện và ngân sách phường - xã - thị trấn:

- Thuế nhà đất, thuế chuyển quyền sử dụng đất, thuế môn bài thu từ cá nhân và hộ kinh doanh, lệ phí trước bạ nhà - đất, thuế sử dụng đất nông nghiệp thu từ hộ gia đình.

Phân chia theo tỷ lệ (%) như sau:

Cấp ngân sách	Tỷ lệ % phân chia
Ngân sách quận	80%
Ngân sách phường	20%
Ngân sách huyện	30%
Ngân sách xã, thị trấn	70%

V. Các khoản thu ngân sách thành phố hưởng 100%:

1. Tiền sử dụng đất;
2. Tiền cho thuê đất, thuê mặt nước;
3. Tiền cho thuê và tiền khấu hao cơ bản nhà ở do thành phố quản lý và tiền bán nhà thuộc sở hữu Nhà nước;
4. Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết;
5. Thu đền bù thiệt hại khi Nhà nước thu hồi đất;
6. Thu nhập từ vốn góp của ngân sách thành phố, tiền thu hồi vốn của ngân sách địa phương tại các tổ chức kinh tế, thu thanh lý tài sản và các khoản khác của doanh nghiệp Nhà nước do địa phương quản lý, phần nộp ngân sách theo quy định của pháp luật;

7. Thu từ quỹ dự trữ tài chính của thành phố;
8. Các khoản thu phí, lệ phí, phần nộp ngân sách theo quy định của pháp luật do các cơ quan, đơn vị thuộc cấp thành phố tổ chức thu (không kể phí xăng, dầu và lệ phí trước bạ);
9. Lệ phí trước bạ (trừ lệ phí trước bạ nhà, đất);
10. Thu sự nghiệp, phần nộp ngân sách theo quy định của pháp luật của các đơn vị do thành phố quản lý (bao gồm cả chênh lệch thu, chi của doanh nghiệp công ích);
11. Thu khác từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh do Cục Thuế thành phố thu;
12. Viện trợ không hoàn lại của các tổ chức quốc tế, các tổ chức khác, các cá nhân ở nước ngoài trực tiếp cho thành phố theo quy định của pháp luật;
13. Đóng góp tự nguyện của các tổ chức, cá nhân ở trong và ngoài nước cho ngân sách thành phố;
14. Thu từ huy động đầu tư xây dựng các công trình kết cấu hạ tầng theo quy định tại khoản 3 Điều 8 theo Luật Ngân sách Nhà nước;
15. Các khoản thu phạt vi phạm hành chính thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân thành phố quyết định xử phạt, khoản tịch thu theo quy định của pháp luật;
16. Các khoản thu khác của ngân sách thành phố theo quy định của pháp luật;
17. Thu chuyển nguồn ngân sách từ ngân sách thành phố năm trước sang ngân sách thành phố năm sau;
18. Thu kết dư ngân sách cấp thành phố.

VI. Các khoản không nêu tại phần I, II, III và IV thuộc ngân sách Trung ương và ngân sách thành phố theo quy định của Luật Ngân sách Nhà nước.

VII. Số bổ sung cân đối ngân sách năm 2007:

1. Số bổ sung từ ngân sách thành phố cho ngân sách quận - huyện:

- Sau khi cân đối thu, chi ngân sách quận - huyện, ngân sách thành phố chi bổ sung cân đối cho ngân sách quận - huyện: 1.331,166 triệu đồng.

- Bổ sung có mục tiêu từ ngân sách Trung ương cho ngân sách quận - huyện để thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia (vốn sự nghiệp) là 13.702 triệu đồng.

- Bổ sung có mục tiêu cho quận - huyện để chi đầu tư xây dựng cơ bản theo phân cấp: căn cứ theo quyết định của Ủy ban nhân dân thành phố về giao vốn đầu tư xây dựng cơ bản.

2. Số bổ sung từ ngân sách quận - huyện cho ngân sách phường - xã - thị trấn do Ủy ban nhân dân quận - huyện quyết định.

VIII. Tỷ lệ phân chia cho các cấp ngân sách thuộc ngân sách địa phương (tại Mục III và IV) và số bổ sung cân đối từ ngân sách thành phố cho ngân sách cấp quận - huyện nêu trên được thực hiện trong thời kỳ ổn định 4 năm (từ năm 2007 đến năm 2010) theo quy định của Luật Ngân sách Nhà nước.

DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH NĂM 2007**Đơn vị: Cục Thuế thành phố**

Chỉ tiêu Ủy ban nhân dân thành phố giao

*(Kèm theo Quyết định số 178/2006/QĐ-UBND**ngày 08 tháng 12 năm 2006 của Ủy ban nhân dân thành phố)*

Đơn vị: Triệu đồng

CHỈ TIÊU	DỰ TOÁN THU NĂM 2007	
	Chỉ tiêu pháp lệnh	Chỉ tiêu phấn đấu
Tổng số	47.159.500 (*)	
1. Thu ngân sách Nhà nước phân nội địa	41.069.500	Tăng trên 5% so với chỉ tiêu pháp lệnh (chỉ tiêu này không tính nguồn thu từ đấu giá quyền sử dụng đất và thu từ xổ số kiến thiết)
2. Thu từ dầu thô	6.090.000	

(*) Cục Thuế có trách nhiệm phân bổ các chỉ tiêu trên cho các đơn vị trực thuộc

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH NĂM 2007**Đơn vị: Công ty Xổ số kiến thiết thành phố**

Chỉ tiêu Ủy ban nhân dân thành phố giao

*(Kèm theo Quyết định số 178/2006/QĐ-UBND**ngày 08 tháng 12 năm 2006 của Ủy ban nhân dân thành phố)*

Đơn vị: Triệu đồng

CHỈ TIÊU	DỰ TOÁN THU NĂM 2007
Tổng số thu từ hoạt động xổ số kiến thiết	455.000

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH NĂM 2007**Đơn vị: Cục Hải quan thành phố**

Chỉ tiêu Ủy ban nhân dân thành phố giao

*(Kèm theo Quyết định số 178/2006/QĐ-UBND**ngày 08 tháng 12 năm 2006 của Ủy ban nhân dân thành phố)**Đơn vị: Triệu đồng*

CHỈ TIÊU	DỰ TOÁN THU NĂM 2007
Tổng số thu từ hoạt động xuất, nhập khẩu	30.800.000
1. Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu, thuế TTĐB hàng hóa nhập khẩu	9.300.000
2. Thuế giá trị gia tăng hàng hóa nhập khẩu	21.500.000

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

0964.150

DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH KHÔI QUẬN - HUYỆN NĂM 2007**Chỉ tiêu Ủy ban nhân dân thành phố giao***(Kèm theo Quyết định số 178/2006/QĐ-UBND**ngày 08 tháng 12 năm 2006 của Ủy ban nhân dân thành phố)*

Đvt: Triệu đồng

QUẬN HUYỆN	TỔNG THU NSNN NĂM 2007		TỔNG THU NSQH NĂM 2007	Trong đó	
	Chỉ tiêu pháp lệnh	Chỉ tiêu phần đầu		Thu điều tiết NSQH	Thu bổ sung từ NSTP
Tổng số	8.577.410		3.482.032	2.150.866	1.331.166
Quận 1	1.202.400		173.617	173.617	0
Quận 2	134.800		91.776	42.506	49.270
Quận 3	557.600		142.985	142.985	0
Quận 4	129.000		110.026	34.657	75.369
Quận 5	770.730		152.901	150.091	2.810
Quận 6	381.900		143.443	116.620	26.823
Quận 7	252.900		102.509	73.617	28.892
Quận 8	206.700		159.051	57.042	102.009
Quận 9	158.400		127.183	38.025	89.158
Quận 10	508.700	Tăng trên 5% so với chỉ tiêu pháp lệnh (chỉ tiêu này không tính nguồn thu từ đầu giá quyền sử dụng đất)	135.048	134.757	291
Quận 11	329.000		135.219	92.263	42.956
Quận 12	258.070		125.826	72.086	53.740
Quận Phú Nhuận	351.340		113.350	105.000	8.350
Quận Gò Vấp	403.800		191.168	117.094	74.074
Quận Bình Thạnh	539.200		200.784	161.229	39.555
Quận Tân Bình	691.200		204.320	204.320	0
Quận Tân Phú	386.400		154.077	118.682	35.395
Quận Bình Tân	427.900		118.362	94.033	24.329
Quận Thủ Đức	301.350		138.014	68.280	69.734
Huyện Củ Chi	126.140		230.037	35.201	194.836
Huyện Hóc Môn	170.400		151.618	44.955	106.663
Huyện Bình Chánh	180.970	163.256	48.017	115.239	
Huyện Nhà Bè	79.000	84.137	18.170	65.967	
Huyện Cần Giờ	29.510	133.325	7.619	125.706	

DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH KHỎI QUẬN - HUYỆN NĂM 2007**Chỉ tiêu Ủy ban nhân dân thành phố giao***(Kèm theo Quyết định số 178/2006/QĐ-UBND**ngày 08 tháng 12 năm 2006 của Ủy ban nhân dân thành phố)**Đvt: Triệu đồng*

QUẬN HUYỆN	TỔNG CHỈ TIÊU GIAO DỰ TOÁN CHI NSQH (*)	Trong đó		Số bổ sung cân đối NSQH từ NSTP
		Chi SN Giáo dục	Chi SN Y tế	
Tổng số	3.482.032	1.334.862	258.267	1.331.166
Quận 1	173.617	63.826	7.466	0
Quận 2	91.776	28.628	6.491	49.270
Quận 3	142.985	60.496	7.010	0
Quận 4	110.026	33.962	9.110	75.369
Quận 5	152.901	62.879	7.343	2.810
Quận 6	143.443	55.791	10.334	26.823
Quận 7	102.509	35.624	8.419	28.892
Quận 8	159.051	60.592	11.733	102.009
Quận 9	127.183	48.712	8.077	89.158
Quận 10	135.048	49.158	7.618	291
Quận 11	135.219	54.630	7.205	42.956
Quận 12	125.826	59.221	9.474	53.740
Quận Phú Nhuận	113.350	34.670	7.608	8.350
Quận Gò Vấp	191.168	85.434	13.649	74.074
Quận Bình Thạnh	200.784	74.876	10.882	39.555
Quận Tân Bình	204.320	84.482	12.601	0
Quận Tân Phú	154.077	64.449	9.810	35.395
Quận Bình Tân	118.362	39.865	9.988	24.329
Quận Thủ Đức	138.014	62.197	10.219	69.734
Huyện Củ Chi	230.037	87.684	32.702	194.836
Huyện Hóc Môn	151.618	68.236	17.481	106.663
Huyện Bình Chánh	163.256	59.474	18.554	115.239
Huyện Nhà Bè	84.137	29.891	5.558	65.967
Huyện Cần Giờ	133.325	30.085	8.935	125.706
<i>(*) Trong đó chưa bao gồm dự phòng chi sự nghiệp y tế</i>				<i>33.811 triệu đồng</i>

DỰ TOÁN CHI TỪ NGÂN SÁCH NĂM 2007**(Đơn vị do Thành phố quản lý)***(Kèm theo Quyết định số 178/2006/QĐ-UBND**ngày 08 tháng 12 năm 2006 của Ủy ban nhân dân thành phố)**Đơn vị: Triệu đồng*

STT	Tên đơn vị	Dự toán 2007	Ghi chú
1	Ủy ban nhân dân thành phố	23.390	
	- Văn phòng Đoàn Đại biểu Quốc hội	842	
	- Văn phòng Thường trực HĐND	1.900	
	- Văn phòng Tiếp công dân	1.948	
	- Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố	18.700	
	+ Văn phòng Ủy ban	18.000	
	+ Ban Chỉ đạo Cải cách hành chính	300	
	+ Ban Chỉ đạo NNNT	400	
2	Trung tâm Công báo	352	
3	Trung tâm Lưu trữ	340	Dự phòng 340 triệu
4	Sở Kế hoạch - Đầu Tư	11.791	
	- Văn phòng Sở Kế hoạch - Đầu tư	7.791	
	- Kinh phí Xúc tiến đầu tư	4.000	
5	Sở Tài chính thành phố	22.856	
	- KP hoạt động cho Ban Chỉ đạo 80	570	
	- HĐ Đấu giá quyền sử dụng đất	2.700	
	- Bộ phận chuyên trách thẩm định giá nhà xưởng	750	
	- Tổ chuyên trách liên ngành thông báo & kiểm soát giá vật liệu xây dựng	450	
	- Văn phòng Sở Tài chính	11.632	Dự phòng 872 triệu
	- Hội đồng Đền bù và giải phóng mặt bằng	1.500	
	- Ban Chỉ đạo Xây dựng bảng giá đất	600	
	- Tổ công tác liên ngành thẩm định giá bán quỹ nhà đất	700	
	- Trung tâm Thẩm định giá và đấu giá tài sản	1.000	
	- Chi cục Tài chính doanh nghiệp	2.954	
6	Sở Khoa học - Công nghệ	80.913	
	- Trung tâm Dịch vụ phân tích thí nghiệm	2.110	
	- Nghiên cứu khoa học	67.293	Dự phòng 4.993 triệu
	- Trung tâm Thông tin khoa học công nghệ	3.000	

	- Chi cục Tiêu chuẩn - Đo lường - Chất lượng	1.783	
	- Văn phòng Sở Khoa học - Công nghệ	4.737	
	- Trung tâm Tiết kiệm Năng lượng	440	Dự phòng 440 triệu
	- Trung tâm Thiết kế chế tạo thiết bị mới (NEPTECH)	440	Dự phòng 440 triệu
	- Trung tâm Ứng dụng hệ thống thông tin địa lý	1.060	
	- Tạp chí Khám phá	50	
7	Sở Bưu chính, Viễn thông	54.708	
	- Sự nghiệp bưu chính viễn thông (KP CNTT)	50.000	
	- Văn phòng Sở Bưu chính, Viễn thông	4.302	
	- Ban Quản lý các dự án công nghệ thông tin	406	
8	Trung tâm Tin học thành phố	13.806	
	- Trung tâm Tin học	946	
	- Kinh phí HCM City web	12.260	
	- Kinh phí hoạt động Ban điều hành 112	600	
9	Viện Kinh tế	6.340	
10	Viện Nghiên cứu xã hội	3.440	Dự phòng 450 triệu
11	Ban Đổi mới quản lý doanh nghiệp	1.220	
12	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	201.910	
	- Hoạt động xã hội khác	149.115	
	- Bệnh viện Bình Triệu	3.490	
	- Hoạt động chính sách người có công	6.660	
	- Văn phòng Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	8.594	Dự phòng 500 triệu
	- Liên kết đào tạo công nhân kỹ thuật lành nghề	1.500	
	- Trường Công nhân kỹ thuật TP	7.660	
	- Trung tâm Giáo dục thường xuyên Gia Định	3.171	
	- Ban Chỉ đạo Xóa đói giảm nghèo và việc làm	1.640	
	- Trung tâm Dịch vụ và giới thiệu việc làm	80	
	- Dự phòng chi sự nghiệp xã hội	20.000	
13	Lực lượng Thanh niên xung phong	125.117	
	- Trường Giáo dục dạy nghề và giải quyết việc làm và Tổng đội 1 - thuộc Lực lượng TN xung phong		
	- Trung tâm Giáo dục thường xuyên TN xung phong	3.315	
	- Văn phòng Lực lượng Thanh niên xung phong	5.181	Dự phòng 942 triệu
	- Ban QL cụm công nghiệp dân cư Nhì xuân	8.352	Dự phòng 250 triệu
	- Duy tu công viên dạ cầu Sài Gòn	1.700	
	- Ban quản lý Đội trật tự du lịch	4.000	
	- Dự phòng	10.000	
14	Sở Xây dựng	17.748	

09647350

	- Trường Trung học Xây dựng	2.700	
	- Văn phòng Sở Xây dựng	8.052	
	- Tạp chí Sài Gòn đầu tư và Xây dựng	70	
	- Kinh phí sự nghiệp	3.500	
	- Trung tâm Thông tin và dịch vụ xây dựng	3.426	
15	Thanh tra xây dựng	3.130	
16	Sở Quy hoạch - Kiến trúc	7.541	
	- Văn phòng Sở Quy hoạch - Kiến trúc	6.221	
	- Trung tâm Thông tin quy hoạch	660	
	- Trung tâm Nghiên cứu kiến trúc	660	
17	Sở Giao thông - Công chính	1.233.900	
	- Khu đường sông	8.419	
	- Thảo cầm viên	16.614	
	- Dịch vụ bảo quản, duy tu công viên cây xanh	60.000	
	- Thanh tra Sở Giao thông - Công chính	7.958	
	- Trung tâm Quản lý điều hành VT hành khách công cộng	9.000	
	- Ban quản lý các bến xe vận tải hành khách	2.982	
	- Cảng vụ đường thủy nội địa	3.923	
	- Trường Trung học Giao thông Công chính	2.813	
	- Trợ giá vé xe buýt	600.000	
	- Văn phòng Sở Giao thông - Công chính	7.776	
	- Khu Quản lý Giao thông đô thị số 1	4.000	
	- Khu Quản lý Giao thông đô thị số 2	1.385	
	- Khu Quản lý Giao thông đô thị số 3	1.350	
	- Khu Quản lý Giao thông đô thị số 4	1.680	
	- Công ty Chiếu sáng công cộng	53.000	
	- Khối Sự nghiệp duy tu giao thông	453.000	Chi từ phí bảo vệ môi trường, từ phí nước thải 190 tỷ
18	Sở Tài nguyên và Môi trường	701.382	
	Trong đó: - Sở Tài nguyên và Môi trường	9.116	
	- Kinh phí sự nghiệp của Sở TN-MT	96.000	
	- Dịch vụ thu gom, vận chuyển, xử lý rác	575.000	
	- Trung tâm Phát triển quỹ đất	6.476	Dự phòng 1.164 triệu
	- TT Thông tin TNMT và đăng ký nhà đất	5.968	
	- Chi cục Bảo vệ môi trường	8.822	
19	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	52.338	

	- Chi cục QL chất lượng và Bảo vệ nguồn lợi thủy sản	1.923	
	- Chi cục Kiểm lâm	4.800	Dự phòng 180 triệu
	- TT Nghiên cứu Khoa học và khuyến nông	8.029	
	- Chi cục Bảo vệ thực vật	6.187	Dự phòng 120 triệu
	- Chi cục Phát triển lâm nghiệp	4.013	Dự phòng 570 triệu
	- Chi cục Thủy lợi và phòng chống lụt bão	1.471	Dự phòng 300 triệu
	- Trợ giá bù giống gốc	3.471	
	- CTy Quản lý khai thác DVTL TP HCM (Bù hụt thu TLP)	3.993	
	- Chi cục Phát triển nông thôn	1.762	
	- TT Qly & Kiểm định giống cây trồng vật nuôi	1.885	Dự phòng 270 triệu
	- Trường Trung học Kỹ thuật nông nghiệp	3.393	
	- Ban Quản lý Trung tâm thủy sản thành phố	500	
	- Văn phòng Sở Nông nghiệp và PT nông thôn	4.850	
	- TT Công nghệ sinh học	4.361	Dự phòng 1.568 triệu
	- TT Tư vấn & hỗ trợ chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp	1.700	
20	Sở Thương mại	35.725	
	- Văn phòng Sở Thương mại	4.428	
	- Kinh phí Xúc tiến thương mại - đầu tư	6.000	
	- Chi cục Quản lý thị trường thành phố	25.297	
21	Đài Tiếng nói nhân dân	14.000	
22	Sở Văn hóa và Thông tin	86.206	
	- Sự nghiệp nghệ thuật	24.960	Dự phòng 500 triệu
	- Trung tâm Thông tin triển lãm	4.524	
	- Hoạt động văn hóa khác	17.361	
	- Bảo tàng, bảo tồn	22.186	
	- Trợ giá văn hóa phẩm	500	Dự phòng 500 triệu
	- Thư viện Khoa học tổng hợp	6.267	
	- Trường Cao đẳng Văn hóa nghệ thuật	3.740	
	- Văn phòng Sở Văn hóa và Thông tin	6.668	
23	Công ty Xuất nhập khẩu phát hành Sách TP	400	
24	Tuần báo Văn nghệ	600	Dự phòng 600 triệu
25	Sở Giáo dục và Đào tạo	477.746	
	- SN Giáo dục	303.407	
	- SN Đào tạo	166.991	
	- Văn phòng Sở Giáo dục và Đào tạo	7.348	

26	Sở Tư pháp	10.112	
	- Phòng công chứng 1	990	
	- Phòng công chứng 2	836	
	- Phòng công chứng 3	600	
	- Phòng công chứng 4	750	
	- Phòng công chứng 5	850	
	- Phòng công chứng 6	625	
	- Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước	500	
	- Văn phòng Sở Tư pháp	4.961	Dự phòng 500 triệu
27	Sở Y tế	850.814	
	- Sự nghiệp Y tế	677.205	Dự phòng 4.000 triệu
	- Sự nghiệp Y tế (phân bổ cho quận - huyện)	33.811	Dự phòng 33.811 triệu
	- Quỹ Khám chữa bệnh cho người nghèo	22.000	
	- Trung tâm Đào tạo và bồi dưỡng cán bộ y tế	12.210	
	- Văn phòng Sở Y tế	5.588	
	- Quỹ Khám chữa bệnh trẻ em dưới 6 tuổi	100.000	
28	Ủy ban Dân số - Gia đình và Trẻ em	7.341	
	- Ủy ban Dân số Gia đình và Trẻ em	2.332	
	- Kinh phí chương trình mục tiêu	4.745	
	- Kinh phí in thẻ khám chữa bệnh trẻ em dưới 6 tuổi	264	
29	Sở Công nghiệp	9.887	
	- Trường Trung học Công nghiệp	5.219	
	- Văn phòng Sở Công nghiệp	4.048	
	- TT Tư vấn & Hỗ trợ doanh nghiệp công nghiệp TP	620	
30	Thanh tra Thành phố	7.112	Dự phòng 200 triệu
31	Ủy ban về người Việt Nam ở nước ngoài	1.720	
32	Sở Du lịch	9.968	
	- Văn phòng Sở Du lịch	2.968	
	- Kinh phí Xúc tiến du lịch	7.000	Dự phòng 1.000 triệu
33	Sở Thể dục - Thể thao	100.635	
	- Sự nghiệp thể dục thể thao	55.000	
	- Trường Nghiệp vụ Thể dục thể thao	31.215	
	- Trường Năng khiếu Thể dục thể thao	800	
	- Văn phòng Sở Thể dục - Thể thao	3.620	
	- Chương trình đào tạo nguồn nhân lực	10.000	Dự phòng 6.100 triệu
34	Sở Nội vụ	9.540	
	- Sở Nội vụ	6.340	Dự phòng 3.000 triệu

09347350

	- Đào tạo	3.200	
35	Hội đồng Thi đua khen thưởng	15.924	
	(Trong đó: kinh phí khen thưởng: 15.000 triệu)		
36	Trường Cán bộ thành phố	4.200	
37	Liên minh các Hợp tác xã	1.338	
38	Hội Liên hiệp Phụ nữ	2.820	Dự phòng 380 triệu
39	Thành đoàn	15.228	
	- Trường Đoàn Lý Tự Trọng	1.700	Dự phòng 500 triệu
	- Trường Bổ túc Văn hóa Thành đoàn	550	Dự phòng 170 triệu
	- Nhà Văn hóa thanh niên	1.260	
	- Nhà Thiếu nhi thành phố	2.196	
	- Hãng phim Trẻ	500	
	- Trung tâm Dịch vụ việc làm Thanh niên	320	
	- Nhà Văn hóa sinh viên	750	
	- TT sinh hoạt dã ngoại thanh thiếu niên TP	422	
	- Văn phòng Thành đoàn	7.120	
	- Ký túc xá sinh viên Lào	410	
40	Ban Tài chính quản trị Thành ủy	188.678	
	TĐ :- Kinh phí đào tạo	25.000	
	- Đào tạo 300 Tiến sĩ - Thạc sĩ trẻ	40.000	
	- Kinh phí hoạt động	123.678	
41	Hội Nông dân	2.542	
	TĐ: - Hội Nông dân	2.014	
	- Trung tâm Hỗ trợ nông dân	528	
42	Hội Cựu chiến binh	1.510	Dự phòng 90 triệu
43	Ủy ban Mặt trận Tổ quốc	6.664	
44	Ban QL Khu đô thị mới Nam Thành phố	3.420	
	- Ban QL Khu đô thị mới Nam Thành phố	3.020	
	- Kinh phí xúc tiến	400	
45	Ban Quản lý dự án Khu công nghệ cao	6.963	
	- Ban Quản lý dự án Khu công nghệ cao	3.960	
	- Trung tâm đào tạo	656	
	- Trung tâm Nghiên cứu triển khai	1.947	Dự phòng 1.000 triệu
	- Kinh phí xúc tiến	400	
46	Ban Quản lý ĐT và XD Khu đô thị mới Thủ Thiêm	2.424	
	- Ban quản lý ĐTXD Khu đô thị mới Thủ Thiêm	2.024	
	- Kinh phí xúc tiến	400	

09647350

LawSoul * Tel: +84-8-3845 6684 * www.TimVienPhapLuat.com

47	Ban Quản lý Khu đô thị Tây Bắc	1.970	
	- Ban Quản lý Khu đô thị Tây Bắc	1.570	
	- Kinh phí xúc tiến	400	
48	Trung tâm Xúc tiến thương mại và đầu tư	32.740	
	- Văn phòng Trung tâm	2.240	
	- Kinh phí Xúc tiến thương mại - đầu tư	30.500	
49	Ban Quản lý Nông nghiệp khu công nghệ cao	2.580	
	- Ban Quản lý Nông nghiệp khu công nghệ cao	1.100	
	- Kinh phí xúc tiến	400	
	- Trung tâm Nghiên cứu & phát triển nông nghiệp công nghệ cao	1.080	Dự phòng 200 triệu
50	Ban chuẩn bị đầu tư các dự án trọng điểm	170	
51	BCĐ T/hiện DA nhà máy xử lý nước Thủ Đức	130	
52	Công an thành phố	42.590	
53	Trung tâm Điều khiển tín hiệu giao thông	500	
54	Sở Cảnh sát Phòng cháy và chữa cháy	3.700	Dự phòng 1.000 triệu
55	Bộ Chỉ huy Quân sự thành phố	25.000	Dự phòng 533 triệu
56	Trường Thiếu sinh quân	4.550	
57	Liên hiệp các tổ chức Hữu nghị thành phố	2.232	
58	Các Hội	12.320	Dự phòng 100 triệu
59	Kinh phí hỗ trợ	8.884	Dự phòng 1.000 triệu
60	Chương trình mục tiêu quốc gia phân bổ cho khối quận - huyện	2.530	
	- Tăng cường thiết bị dạy nghề	1.600	
	+ Trung tâm Dạy nghề quận 4	200	
	+ Trung tâm Dạy nghề quận 9	700	
	+ Trung tâm Dạy nghề huyện Nhà Bè	700	
	- Hỗ trợ đào tạo nghề cho lao động nông thôn	930	
	+ Quận 9	140	
	+ Quận 12	140	
	+ Huyện Củ Chi	180	
	+ Huyện Hóc Môn	120	
	+ Huyện Bình Chánh	100	
	+ Huyện Nhà Bè	180	
	+ Huyện Cần Giờ	70	

NGUỒN THU VÀ NHIỆM VỤ CHI CHO TỪNG CẤP NGÂN SÁCH Ở ĐỊA PHƯƠNG

(Kèm theo Quyết định số 178/2006/QĐ-UBND

ngày 08 tháng 12 năm 2006 của Ủy ban nhân dân thành phố)

I. Ngân sách cấp thành phố:

1. Nguồn thu của ngân sách cấp thành phố:

1.1. Các khoản thu ngân sách thành phố hưởng 100%:

- a) Tiền sử dụng đất;
- b) Tiền cho thuê đất, thuê mặt nước;
- c) Tiền cho thuê và tiền khấu hao cơ bản nhà ở do thành phố quản lý và tiền bán nhà thuộc sở hữu Nhà nước;
- d) Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết;
- đ) Thu đền bù thiệt hại khi Nhà nước thu hồi đất;
- e) Thu hồi vốn của ngân sách địa phương tại các tổ chức kinh tế, thu từ quỹ dự trữ tài chính của thành phố, thu nhập từ vốn góp của ngân sách thành phố;
- g) Viện trợ không hoàn lại của các tổ chức quốc tế, các tổ chức khác, các cá nhân ở nước ngoài trực tiếp cho cấp thành phố;
- h) Các khoản phí, lệ phí, thu từ các hoạt động sự nghiệp và các khoản thu khác nộp vào ngân sách thành phố theo quy định của pháp luật;
- i) Huy động từ các tổ chức, cá nhân theo quy định của pháp luật (kể cả thu từ huy động nguồn phát hành trái phiếu đô thị, tín phiếu...);
- k) Đóng góp tự nguyện của các tổ chức, cá nhân ở trong và ngoài nước;
- l) Thu từ huy động đầu tư xây dựng các công trình kết cấu hạ tầng theo quy định tại khoản 3 Điều 8 của Luật Ngân sách Nhà nước;
- m) Thu kết dư ngân sách cấp thành phố;
- n) Thu bổ sung từ ngân sách Trung ương;
- o) Thu chuyển nguồn ngân sách thành phố năm trước chuyển sang;
- p) Các khoản thu khác của ngân sách thành phố theo quy định của pháp luật;
- q) Lệ phí trước bạ (trừ lệ phí trước bạ nhà, đất);

r) Các khoản thu phạt vi phạm hành chính thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân thành phố quyết định xử phạt, khoản tịch thu theo quy định của pháp luật.

1.2. Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ (%) giữa ngân sách Trung ương và ngân sách địa phương:

a) Thuế giá trị gia tăng, không kể thuế giá trị gia tăng hàng nhập khẩu và thuế giá trị gia tăng thu từ hoạt động xổ số kiến thiết; thuế giá trị gia tăng từ hoạt động thăm dò, khai thác dầu, khí do Trung ương quản lý;

b) Thuế thu nhập doanh nghiệp, không kể thuế thu nhập doanh nghiệp của các đơn vị hạch toán toàn ngành và thuế thu nhập doanh nghiệp thu từ hoạt động thăm dò, khai thác dầu, khí do Trung ương quản lý;

c) Thuế thu nhập đối với người có thu nhập cao;

d) Thuế tiêu thụ đặc biệt từ hàng hóa, dịch vụ trong nước không kể thuế tiêu thụ đặc biệt từ hoạt động xổ số kiến thiết;

đ) Phí xăng, dầu;

e) Thuế chuyển thu nhập ra nước ngoài của các tổ chức, cá nhân nước ngoài có vốn đầu tư tại Việt Nam, không kể thuế chuyển thu nhập ra nước ngoài đối với thu nhập từ hoạt động thăm dò, khai thác dầu, khí do Trung ương quản lý (nếu có).

Trong phạm vi nguồn thu được phân chia cho ngân sách địa phương, ngân sách thành phố được phân chia toàn bộ các khoản thu ở khoản 1.2 nêu trên trừ thuế giá trị gia tăng thu từ khu vực ngoài quốc doanh do Chi cục Thuế quận - huyện thu, không kể thuế giá trị gia tăng hàng nhập khẩu và thuế thu nhập doanh nghiệp thu từ khu vực ngoài quốc doanh, không kể thuế thu nhập doanh nghiệp của các đơn vị hạch toán toàn ngành.

1.3. Các khoản thu phân chia tỷ lệ (%) giữa ngân sách thành phố và ngân sách quận - huyện:

Tiền cho thuê và tiền khấu hao cơ bản nhà ở thuộc sở hữu Nhà nước do quận - huyện quản lý.

2. Nhiệm vụ chi của ngân sách cấp thành phố gồm:

2.1. Chi đầu tư phát triển:

a) Đầu tư xây dựng các công trình kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội không có khả năng thu hồi vốn do thành phố quản lý;

04730
www.ThuVienPhapLuat.com
Tel: +84-8-3845 6884 *
LawSoft

b) Đầu tư và hỗ trợ cho các doanh nghiệp, các tổ chức kinh tế, các tổ chức tài chính của Nhà nước theo quy định của pháp luật;

c) Các khoản chi đầu tư phát triển khác theo quy định của pháp luật.

2.2. Chi thường xuyên

a) Các hoạt động sự nghiệp, giáo dục, đào tạo, y tế, xã hội, văn hóa thông tin, văn học nghệ thuật, thể dục thể thao, khoa học và công nghệ, môi trường:

- Giáo dục phổ thông, bổ túc văn hóa, nhà trẻ, mẫu giáo và các hoạt động giáo dục khác do thành phố quản lý;

- Đại học, cao đẳng, trung học chuyên nghiệp, đào tạo nghề, đào tạo ngắn hạn và các hình thức đào tạo bồi dưỡng khác;

- Phòng bệnh, chữa bệnh và các hoạt động y tế khác;

- Các trường, trại xã hội, cứu tế xã hội, cứu đói, phòng chống các tệ nạn xã hội và các hoạt động xã hội khác;

- Phát thanh, truyền hình và các hoạt động thông tin khác;

- Bồi dưỡng, huấn luyện huấn luyện viên, vận động viên các đội tuyển cấp thành phố; các giải thi đấu cấp thành phố; quản lý các cơ sở thi đấu thể dục, thể thao và các hoạt động thể dục, thể thao khác;

- Nghiên cứu khoa học, ứng dụng tiến bộ kỹ thuật, các hoạt động sự nghiệp khoa học, công nghệ khác;

- Các hoạt động sự nghiệp khác do thành phố quản lý.

b) Các hoạt động sự nghiệp kinh tế do thành phố quản lý:

- Sự nghiệp nông nghiệp, thủy lợi, ngư nghiệp và lâm nghiệp: duy tu, bảo dưỡng các tuyến đê, các công trình thủy lợi, các trạm trại nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp; công tác khuyến lâm, khuyến nông, khuyến ngư; chi khoanh nuôi, bảo vệ, phòng chống cháy rừng, bảo vệ nguồn lợi thủy sản, kiểm định giống cây trồng, vật nuôi;

- Sự nghiệp giao thông: duy tu, bảo dưỡng và sửa chữa cầu đường, các công trình giao thông khác; lập biển báo và các biện pháp đảm bảo an toàn giao thông đường bộ, đường sông;

- Sự nghiệp thị chính: duy tu, bảo dưỡng hệ thống đèn chiếu sáng, vỉa hè, hệ thống cấp thoát nước, giao thông nội thị, công viên và các sự nghiệp thị chính khác;

- Đo đạc, lập bản đồ và lưu trữ hồ sơ địa chính;
- Điều tra cơ bản;
- Các hoạt động về môi trường;
- Các sự nghiệp kinh tế khác.

c) Các nhiệm vụ về quốc phòng, an ninh và trật tự - an toàn xã hội (phần giao cho cấp thành phố);

d) Hoạt động của các cơ quan Nhà nước, cơ quan Đảng Cộng sản Việt Nam ở thành phố, quận - huyện;

đ) Hoạt động của các tổ chức chính trị - xã hội ở thành phố: Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Đoàn Thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh, Hội Cựu chiến binh Việt Nam, Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam, Hội Nông dân Việt Nam;

e) Hỗ trợ hoạt động của các tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp ở thành phố theo quy định của pháp luật;

g) Thực hiện các chính sách xã hội đối với các đối tượng do thành phố quản lý;

h) Các chương trình quốc gia do Chính phủ giao cho thành phố quản lý;

i) Trợ giá theo chính sách của Nhà nước;

k) Các khoản chi khác theo quy định của pháp luật

2.3. Chi trả gốc, lãi tiền huy động cho đầu tư theo quy định tại khoản 3 Điều 8 của Luật Ngân sách Nhà nước.

2.4. Chi bổ sung Quỹ Dự trữ tài chính của thành phố.

2.5. Chi bổ sung cho ngân sách cấp dưới.

2.6. Chi chuyển nguồn ngân sách thành phố năm trước sang năm sau.

II. Ngân sách cấp quận - huyện:

1. Nguồn thu của ngân sách cấp quận - huyện:

1.1. Các khoản thu ngân sách quận - huyện hưởng 100%:

a) Thuế môn bài (trừ thuế môn bài thu từ cá nhân, hộ kinh doanh);

b) Thuế tài nguyên; không kể thuế tài nguyên thu từ hoạt động dầu, khí;

c) Viện trợ không hoàn lại của các tổ chức quốc tế, các tổ chức khác, các cá nhân ở nước ngoài trực tiếp cho cấp quận - huyện;

- d) Các khoản phí, lệ phí, thu từ các hoạt động sự nghiệp và các khoản thu khác nộp vào ngân sách quận - huyện theo quy định của pháp luật;
- đ) Huy động từ các tổ chức, cá nhân theo quy định của pháp luật;
- e) Đóng góp tự nguyện của các tổ chức, cá nhân ở trong và ngoài nước;
- g) Thu kết dư ngân sách cấp quận - huyện;
- h) Thu bổ sung từ ngân sách thành phố;
- i) Các khoản thu khác của ngân sách quận - huyện theo quy định của pháp luật;
- k) Các khoản thu vi phạm hành chính thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân quận - huyện quyết định xử phạt;
- l) Thu chuyển nguồn ngân sách quận - huyện năm trước chuyển sang.

1.2. Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ (%) giữa ngân sách Trung ương, ngân sách thành phố và ngân sách quận - huyện:

- a) Thuế giá trị gia tăng thu từ khu vực ngoài quốc doanh do Chi cục Thuế quận - huyện thu, không kể thuế giá trị gia tăng hàng nhập khẩu;
- b) Thuế thu nhập doanh nghiệp thu từ khu vực ngoài quốc doanh do Chi cục Thuế quận - huyện thu, không kể thuế thu nhập doanh nghiệp của các đơn vị hạch toán toàn ngành;

1.3. Các khoản thu phân chia tỷ lệ (%) giữa ngân sách thành phố và ngân sách quận - huyện:

Tiền cho thuê và tiền khấu hao cơ bản nhà ở thuộc sở hữu Nhà nước do quận - huyện quản lý.

1.4. Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ (%) giữa ngân sách quận - huyện và ngân sách phường - xã - thị trấn:

- a) Thuế nhà đất;
- b) Thuế chuyên quyền sử dụng đất;
- c) Lệ phí trước bạ nhà, đất;
- d) Thuế môn bài thu từ cá nhân, hộ kinh doanh;
- đ) Thuế sử dụng đất nông nghiệp thu từ hộ gia đình.

2. Nhiệm vụ chi của ngân sách cấp quận - huyện gồm:

2.1. Chi đầu tư phát triển:

a) Đầu tư xây dựng các dự án do quận - huyện quản lý thuộc dự án nhóm C trong phạm vi địa giới từng quận - huyện (không thuộc các dự án nhóm C do các Sở quyết định đầu tư) sau khi Hội đồng nhân dân quận - huyện thông qua;

b) Chi đầu tư phát triển khác theo quy định của pháp luật.

2.2. Chi thường xuyên:

a) Các hoạt động sự nghiệp, giáo dục, đào tạo, y tế, xã hội, văn hóa thông tin, văn học nghệ thuật, thể dục thể thao:

- Giáo dục trung học phổ thông, trung học cơ sở, tiểu học, bổ túc văn hóa, nhà trẻ, mẫu giáo và các hoạt động giáo dục khác do quận - huyện quản lý;

- Đào tạo nghề, đào tạo ngắn hạn và các hình thức đào tạo bồi dưỡng khác do quận - huyện quản lý;

- Phòng bệnh, chữa bệnh và các hoạt động khác thuộc lĩnh vực y tế, chương trình dân số và kế hoạch hóa gia đình do Thành phố phân cấp;

- Các trường, trại xã hội, cứu tế xã hội, cứu đói, phòng chống các tệ nạn xã hội và các hoạt động xã hội khác;

- Hoạt động văn hóa nghệ thuật, phát thanh và các hoạt động văn hóa thông tin khác;

- Quản lý các cơ sở thi đấu thể dục, thể thao và các hoạt động thể dục thể thao khác;

- Các hoạt động sự nghiệp khác do quận - huyện quản lý.

b) Các hoạt động sự nghiệp kinh tế do quận - huyện quản lý:

- Sự nghiệp nông nghiệp, thủy lợi, ngư nghiệp và lâm nghiệp: duy tu, bảo dưỡng các tuyến đê, các công trình thủy lợi, công tác khuyến lâm, khuyến nông, khuyến ngư;

- Sự nghiệp giao thông: duy tu, bảo dưỡng và sửa chữa cầu đường, các công trình giao thông khác được Thành phố phân cấp;

- Sự nghiệp thị chính: thanh toán tiền điện chiếu sáng công cộng hệ dân lập, vỉa hè, hệ thống thoát nước, công viên, tiểu đảo và các sự nghiệp thị chính khác phân cấp cho quận - huyện;

- Các sự nghiệp kinh tế khác.

c) Các nhiệm vụ về quốc phòng, an ninh và trật tự - an toàn xã hội (phần giao cho cấp quận - huyện);

d) Hoạt động của các cơ quan Nhà nước do quận - huyện quản lý;

đ) Hoạt động của các tổ chức chính trị - xã hội ở quận - huyện: Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Hội Cựu chiến binh Việt Nam, Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam, Hội Nông dân Việt Nam;

e) Hỗ trợ hoạt động của các tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp ở quận - huyện theo quy định của pháp luật;

g) Thực hiện các chính sách xã hội đối với các đối tượng do quận - huyện quản lý;

h) Các khoản chi khác theo quy định của pháp luật.

2.3. Chi bổ sung cho ngân sách cấp dưới.

2.4. Chi chuyển nguồn ngân sách quận - huyện năm trước sang năm sau.

III. Ngân sách cấp phường - xã - thị trấn (gọi chung là cấp xã):

1. Nguồn thu của ngân sách cấp phường - xã - thị trấn:

1.1. Các khoản thu ngân sách cấp xã hưởng 100%:

a) Các khoản phí, lệ phí, thu từ các hoạt động sự nghiệp và các khoản thu khác nộp vào ngân sách cấp xã theo quy định của pháp luật; các khoản thu phạt vi phạm hành chính thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân phường - xã - thị trấn quyết định xử phạt;

b) Thu đầu thầu, thu khoán theo mùa vụ từ quỹ đất công ích và hoa lợi công sản khác theo quy định của pháp luật do cấp xã quản lý;

c) Tiền thu từ hoạt động sự nghiệp do cấp xã quản lý;

d) Các khoản đóng góp theo quy định của pháp luật và các khoản đóng góp tự nguyện của các tổ chức, cá nhân cho cấp xã;

đ) Viện trợ không hoàn lại của các tổ chức quốc tế, các tổ chức khác, các cá nhân ở nước ngoài trực tiếp cho cấp xã;

e) Thu kết dư ngân sách cấp xã;

g) Thu bổ sung từ ngân sách quận - huyện;

h) Các khoản thu khác của ngân sách cấp xã theo quy định của pháp luật;

i) Thu chuyển nguồn ngân sách cấp xã năm trước chuyển sang.

1.2. Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ (%) giữa ngân sách quận - huyện và ngân sách cấp xã:

- a) Thuế nhà đất;
- b) Thuế chuyển quyền sử dụng đất;
- c) Lệ phí trước bạ nhà, đất;
- d) Thuế sử dụng đất nông nghiệp từ hộ gia đình;
- đ) Thuế môn bài thu từ cá nhân, hộ kinh doanh.

2. Nhiệm vụ chi của ngân sách cấp xã gồm:

2.1. Chi đầu tư phát triển về:

- a) Đầu tư xây dựng các dự án thuộc ngân sách phường - xã - thị trấn có mức vốn đầu tư dưới 3 (ba) tỷ đồng sau khi thông qua Hội đồng nhân dân phường - xã - thị trấn;
- b) Chi đầu tư và sửa chữa các công trình kết cấu hạ tầng kinh tế xã hội của cấp xã từ nguồn huy động, đóng góp của các tổ chức, cá nhân cho từng dự án nhất định theo quy định của pháp luật, do Hội đồng nhân dân cấp xã quyết định đưa vào ngân sách cấp xã quản lý;
- c) Các khoản chi đầu tư phát triển khác theo quy định của pháp luật.

2.2. Chi thường xuyên về:

- a) Các hoạt động xã hội và hoạt động văn hóa thông tin, thể dục thể thao do phường - xã - thị trấn quản lý;
- b) Hỗ trợ kinh phí giáo dục (bổ túc văn hóa, nhà trẻ, mẫu giáo) và y tế trên địa bàn phường - xã - thị trấn;
- c) Quản lý duy tu, bảo dưỡng, sửa chữa các công trình phúc lợi, đường giao thông phường - xã - thị trấn quản lý;
- d) Công tác dân quân tự vệ, trật tự an toàn xã hội ở phường - xã - thị trấn;
- đ) Hoạt động của các cơ quan Nhà nước, cơ quan Đảng Cộng sản Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội ở phường - xã - thị trấn;
- e) Các khoản chi khác theo quy định của pháp luật.

2.3. Chi chuyển nguồn ngân sách cấp xã năm trước sang năm sau./.